TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1886/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2978/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2158/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2465/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hạnh N, sinh năm 1978 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Căn cước công dân số: A do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021.

Hộ khẩu thường trú: Số A đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: Số E Đường G, phường H, thành phố I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: K do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/3/2019.

Hộ khẩu thường trú: Số L đường O, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số E Đường G, phường H, thành phố I, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Nguyễn Hạnh N thì:

Bà và ông Lê Hoàng M tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 28/02/2018.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp. Ông, bà đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không được và đã sống ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay.

Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hoàng M. Đồng thời bà có yêu cầu vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết xét xử vụ án.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Nợ chung: Không có

Bị đơn ông Lê Hoàng M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập. Tuy nhiên, ông M vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi đến Tòa, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa bà Nguyễn H Nhung có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Hoàng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Hạnh N về việc ly hôn với ông Lê Hoàng M. Con chung: Bà N và ông M không có con chung. Tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Nợ chung: Đương sự khai không có.

Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Hạnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng M cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà N phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Hạnh N có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Bị đơn ông Lê Hoàng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Hạnh N và ông Lê Hoàng M'' kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 28/02/2018 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M nhưng Tòa án không nhận được trả lời của ông, chứng tỏ ông không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà N.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của bà N thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu, đến năm 2021 giữa bà N và ông M xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2021Bà N và ông Minh sống ly thân cho đến nay.

Như vậy, ông M, bà N đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai cùng không muốn đoàn tụ gia đình, bà N có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà N và ông M không có con chung.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Luật Phí, lệ phí năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Hạnh N:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hạnh N, sinh năm 1978 ly hôn ông Lê Hoàng M, sinh năm 1983

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Nợ chung: Không có

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng bà Nguyễn Hạnh N phải nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0007016 ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Lượng **Chu Mạnh Tường** **Trần Thị Thanh**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 14 tháng 6 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay vào lúc 09 giờ 25 ngày 14 tháng 6 năm 2023

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Ông Chu Mạnh Tường

Đã nghị án xét xử vụ án thụ lý số 2978/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hạnh N, sinh năm 1978 (có mặt)

Căn cước công dân số: A do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021.

Hộ khẩu thường trú: Số A đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: Số E Đường G, phường H, thành phố I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1983 (có mặt)

Số căn cước công dân: K do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/3/2019.

Hộ khẩu thường trú: Số L đường O, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số E Đường G, phường H, thành phố I, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thống nhất (biểu quyết thống nhất 3/3):

Về tố tụng: Bà Nguyễn Hạnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng M cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện củaBà N phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Hạnh N có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Bị đơn ông Lê Hoàng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo

quy định tại Điều 227, Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Minh.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Hạnh N và ông Lê Hoàng M kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 28/02/2018 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Minh nhưng Tòa án không nhận được trả lời của ông, chứng tỏ ông không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân vớiBà N.

Về yêu cầu xin ly hôn của Bà N, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày củaBà N thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu, đến năm 2021 giữa Bà N và ông Minh xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2021Bà N và ông Minh sống ly thân cho đến nay.

Như vậy, ông M, Bà N đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai cùng không muốn đoàn tụ gia đình,Bà N có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà N và ông Minh không có con chung.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Nợ chung: Không có

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Do đó Hội đồng xét xử thống nhất (biểu quyết thống nhất 3/3):

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Luật Phí, lệ phí năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Hạnh N:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hạnh N, sinh năm 1978 ly hôn ông Lê Hoàng M, sinh năm 1983

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Nợ chung: Không có

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng bà Nguyễn Hạnh N phải nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phíBà N đã nộp theo biên lai thu số 0007016 ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 50 cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Thị Lượng	**Chu Mạnh Tường**	**Trần Thị Thanh**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh